

Số: /BC-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình Tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030

Thực hiện Quyết định số 20/QĐ-BCĐCCHC của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Văn bản số 6503/BNV-CCHC ngày 24/12/2019 của Bộ Nội vụ về việc triển khai Kế hoạch tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt nội dung cơ bản của Chương trình tổng thể CCHC, Kế hoạch triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, kế hoạch CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2011-2020, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện CCHC. Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ cũng đã có những hình thức tổ chức, học tập phù hợp (tổ chức lớp bồi dưỡng, họp giao ban, họp định kỳ hàng tháng, sinh hoạt chi bộ...) để quán triệt, phổ biến nội dung Chương trình tổng thể và các văn bản có liên quan của bộ ngành Trung ương và của tỉnh. Qua học tập, quán triệt, lãnh đạo các cấp, cán bộ, công chức đã nắm được mục đích, ý nghĩa, các nội dung cơ bản về CCHC nhà nước, từ đó có kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình

tổng thể phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và thực tiễn của địa phương, đơn vị.

1.2. Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai

Thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2013-2015, Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch CCHC nhà nước hàng năm của tỉnh để triển khai đồng bộ 06 nội dung đã được xác định trong Chương trình tổng thể, gồm: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Kế hoạch đã đề ra mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, tương ứng với mục tiêu cụ thể là các hoạt động, sản phẩm đầu ra, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và thời gian hoàn thành. Bên cạnh đó các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cũng xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện CCHC hàng năm để triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC được giao tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.3. Bố trí nguồn lực triển khai

Tỉnh đã quan tâm bố trí kinh phí, nhân lực phục vụ cho công tác CCHC hàng năm. Theo đó, từ năm 2011 đến nay, đã chi trên 15 tỷ đồng cho công tác CCHC. Tỉnh đã quan tâm bố trí số lượng, chất lượng cán bộ, công chức triển khai thực hiện công tác CCHC. Rà soát, công nhận cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính ở các cấp (mỗi cơ quan có 01 lãnh đạo và 01 công chức); phân công công chức, viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và phẩm chất làm việc tại Bộ phận một cửa của cơ quan, đơn vị, địa phương để tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

1.4. Công tác theo dõi, đánh giá

- Từ năm 2013, tỉnh Ninh Bình đã ban hành Bộ chỉ số đánh giá CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Đến nay, tỉnh đã 3 lần chỉnh sửa, hoàn thiện bộ chỉ số theo hướng tăng số lượng các tiêu chí điều tra xã hội học; đưa thêm các tiêu chí đánh giá tác động của CCHC đối với thể chế, với tổ chức bộ máy, năng lực, tinh thần làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức đến hiện đại hóa hành chính; đặc biệt có thêm các tiêu chí gắn CCHC với sự phát triển kinh tế - xã hội, với sự hài lòng của người dân đối với cơ quan nhà nước nhằm đánh giá hiệu quả thực chất mà công tác CCHC đem lại. Kết quả, Chỉ số CCHC trung bình hàng năm của các cơ quan, đơn vị đều tăng qua các năm. Năm 2018 chỉ số trung bình của các sở, ban, ngành đạt 86,86% (tăng 8,14% so với năm đầu tiên thực hiện, tăng 3,89% so với năm trước liền kề), chỉ số trung bình của UBND các huyện, thành phố đạt 87,33% (tăng 11,84% so với năm đầu tiên và tăng 5,43% so với năm trước liền kề).

- Năm 2016, tỉnh đã thực hiện đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước lồng ghép trong xác định chỉ số CCHC. Từ năm 2017 đến nay, thực hiện Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 của Bộ Nội vụ về Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ

chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Bru điện tỉnh thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của 18 sở, ngành, 8 UBND huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh hàng năm. Số lượng phiếu khảo sát tăng qua các năm¹, lĩnh vực thủ tục hành chính để điều tra, đánh giá cũng được mở rộng. Kết quả: Chỉ số hài lòng trung bình của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có sự cải thiện đáng kể qua các năm và được người dân, tổ chức đánh giá cao. Cụ thể: năm 2019 chỉ số hài lòng trung bình đạt 88,8% (tăng 0,41% so với năm 2018 và tăng 2,63% so với năm 2017); chỉ số hài lòng trung bình của người dân đối với các sở, ban ngành đạt 89,10% (tăng 0,66% so với năm 2018, tăng 5,18% so với năm 2017); chỉ số hài lòng cấp huyện năm 2019 đạt 88.5% (cao hơn 0,16% so với năm 2018 và 0,08% so với năm 2017), vượt yêu cầu của Chính phủ là 80%.

1.5. Những mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng

- Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã có nhiều sáng kiến trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC, tiêu biểu như:

+ Năm 2012: Ninh Bình là 1 trong 5 tỉnh tổ chức thí điểm áp dụng Bộ chỉ số đánh giá hoạt động của bộ phận một cửa cấp huyện theo Đề án của Bộ Nội vụ.

+ Năm 2013: Tỉnh ủy Ninh Bình đã thực hiện thí điểm thi tuyển chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương ở các cơ quan đảng, đoàn thể, nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Ninh Bình

+ Năm 2014: UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

+ Năm 2015: Sở Nội vụ phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh xây dựng kế hoạch và phát động Cuộc vận động “đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức” khối sở ngành và khối huyện, thành phố.

+ Năm 2016: Có 02 sáng kiến: (1) Tỉnh ủy đã ban hành Thông báo thực hiện thí điểm nhất thể hoá một số chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố nhằm tăng cường kiêm nhiệm công việc, khoán quỹ phụ cấp để giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách gắn với tăng thu nhập phát huy quyền làm chủ của nhân dân, gắn với đẩy mạnh thực hiện các hình thức tự quản và xã hội hoá ở cộng đồng dân cư. (2) UBND tỉnh ban hành quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân

¹ Năm 2017 có 520 phiếu (sở, ban, ngành: 360 phiếu, UBND cấp huyện: 160 phiếu), năm 2018 có 977 phiếu (sở, ban, ngành: 657 phiếu, UBND cấp huyện: 320 phiếu), năm 2019 có 1.300 phiếu (sở, ban, ngành: 900 phiếu, UBND cấp huyện: 400 phiếu).

tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành cải thiện lề lối làm việc, chấn chỉnh tình trạng chậm, muộn trong giải quyết nhiệm vụ được giao.

+ Năm 2017: Có 04 sáng kiến được thực hiện: (1) Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Viễn thông Ninh Bình xây dựng, triển khai cổng dịch vụ công (Một cửa điện tử của tỉnh) tại địa chỉ <http://motcua.ninhbinh.gov.vn>, tập trung vào cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, ưu tiên thực hiện đối với các dịch vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. (2) UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và ban hành quy chế hoạt động của Tổ công tác để tham mưu, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. (3) UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Bình với 4 nội dung: Hạ tầng kỹ thuật thông tin, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, nhân lực công nghệ thông tin, môi trường tổ chức và chính sách. (4) Thực hiện thí điểm sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, CCHC. Theo đó, tỉnh Ninh Bình thực hiện nhất thể hóa chức danh Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố; Trưởng phòng Văn hóa Thông tin kiêm Trưởng Đài Truyền thanh thành phố; Thực hiện Đề án thí điểm thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường, tổ dân phố tại Phường Thanh Bình và Phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, gồm: 01 Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường kiêm Chủ tịch Hội người cao tuổi; 01 Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường kiêm Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Dân vận, Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác mặt trận...

- Năm 2018: Có 05 sáng kiến được thực hiện: (1) UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ, theo đó, việc đánh giá người đứng đầu được thực hiện qua kết quả hoàn thành nhiệm vụ chung, nhiệm vụ riêng, kết quả thực hiện công tác CCHC trong hoạt động của cơ quan. (2) Công đoàn viên chức tỉnh đã tổ chức cuộc thi thuyết trình chủ đề năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với cuộc vận động “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức” nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ. (3) Các cơ quan trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện chế độ chào cờ đầu tháng và tổ chức tuyên dương cho tập thể, cá nhân đã nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tháng để kịp thời biểu dương, khen thưởng tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. (4) UBND thành phố Ninh Bình đã áp dụng phương pháp quản lý 5S để nâng cao chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức

tại thành phố Ninh Bình góp phần sử dụng hiệu quả máy móc, trang thiết bị, cải tiến và nâng cao hiệu quả công việc; tạo môi trường làm việc sạch sẽ, cải thiện và đảm bảo sức khỏe của cán bộ, nhân viên và công dân đến làm việc; xây dựng tinh thần đồng đội giữa mọi người, giữa cán bộ, công chức trong cơ quan; có cơ sở để xem xét, đánh giá kết quả thực thi công vụ của đội ngũ công chức. (5) Thành phố Ninh Bình đã áp dụng ISO điện tử mang lại hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước tại UBND thành phố Ninh Bình giúp quy trình công việc, mẫu đơn, tờ khai được tự động hóa, thống nhất, công khai, minh bạch từ việc tiếp nhận hồ sơ đến việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của từng phòng, đơn vị.

- Năm 2019: (1) UBND tỉnh đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Bình. Đây sẽ là đầu mối tập trung tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành giúp người dân, tổ chức không phải đi lại nhiều lần, nhiều nơi, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân thực hiện thủ tục hành chính. (2) Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức điện tử toàn tỉnh thông qua sử dụng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, giúp các cơ quan, đơn vị lưu trữ dữ liệu cán bộ, công chức tập trung; dễ dàng tra cứu hồ sơ cán bộ, công chức; công tác tổng hợp báo cáo, thống kê về tình hình cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý. (3) Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phần mềm Tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trực tuyến. Đồng thời, tạo cơ sở dữ liệu phục vụ việc đánh giá, xếp loại và góp phần phục vụ việc quản lý nhà nước về công nghệ thông tin. (4) UBND tỉnh ban hành Quy trình thực hiện một cửa liên thông giữa cơ quan nhà nước và Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giúp người dân, doanh nghiệp khi đăng ký sử dụng điện lưới trung áp sẽ không phải đi lại nhiều lần, ở nhiều cơ quan hành chính nhà nước, thời gian thực hiện thủ tục hành chính được rút ngắn. (5) Triển khai xây dựng, lắp đặt và đưa vào sử dụng Hệ thống Truyền hình hội nghị của tỉnh với 19 điểm cầu từ tỉnh đến các huyện, thành phố và 143 điểm tại UBND các xã, phường, thị trấn. Hệ thống hoạt động giúp giảm thiểu thời gian họp, nâng cao hiệu quả, năng suất làm việc. (6) Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cung cấp dịch vụ 4 trong 1 về đăng ký doanh nghiệp, gồm các thủ tục Đăng ký thành lập doanh nghiệp, Công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp, Làm con dấu, Công bố mẫu dấu và Mở tài khoản ngân hàng trong một lần nộp hồ sơ. Theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện liên kết với cơ sở khắc dấu, chi nhánh ngân hàng đóng trên địa bàn tỉnh cung cấp dịch vụ 4 trong 1 tại Bộ phận Một cửa của Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng đăng ký thành lập doanh nghiệp chỉ trong vòng 03 ngày làm việc. (7) Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Theo đó, bộ tiêu chí đã quy định cụ thể các tiêu chí và điểm số của các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức, viên chức và người lao

động thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Đây là động lực để công chức, viên chức và người lao động phát huy năng lực, sức sáng tạo để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đồng thời đảm bảo tính công bằng trong đánh giá công chức, viên chức và người lao động.

- Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị đã có nhiều sáng kiến cấp cơ sở được công nhận và áp dụng trên thực tế góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC trong hoạt động công vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.6. Thi đua khen thưởng trong CCHC

Đề động viên, khuyến khích các cơ quan, đơn vị đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ CCHC được UBND tỉnh giao, UBND tỉnh đã nhiều lần tặng bằng khen cho các cơ quan, đơn vị đạt chỉ số CCHC xếp hạng cao, cụ thể: Năm 2014 có 12 tập thể², năm 2015 có 11 tập thể³, năm 2020 có 10 tập thể và 15 cá nhân⁴ được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh do đạt được thành tích cao trong công tác CCHC. UBND một số huyện, thành phố đã thực hiện khen thưởng cho UBND cấp xã có thành tích đạt chỉ số CCHC cao. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị đã đưa kết quả thực hiện công tác CCHC là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hàng năm.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Nhằm đánh giá đúng tình hình triển khai thực hiện, kết quả đạt được, những tồn tại của công tác CCHC ở địa phương, hàng năm UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra công tác CCHC. Kết quả, từ năm 2011 đến nay đã tiến hành 09 đợt kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC tại 128 cơ quan, đơn vị, địa phương (18 cơ quan cấp tỉnh, 8 đơn vị cấp huyện, 102 đơn vị cấp xã). Qua kiểm tra đã phát hiện kịp thời những hạn chế, thiếu sót, khó khăn, vướng mắc để tìm ra những giải pháp tháo gỡ, khắc phục, tăng cường hiệu quả công tác CCHC tại các cơ quan, góp phần hoàn thành chương trình CCHC của Chính phủ, của tỉnh.

3. Thông tin, tuyên truyền

² 12 tập thể: Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND thành phố Ninh Bình, UBND huyện Kim Sơn; UBND phường Nam Thành (thành phố Ninh Bình), UBND xã Đông Sơn (Tam Điệp), UBND thị trấn Bình Minh (Kim Sơn), UBND xã Ninh Thắng (Hoa Lư), UBND xã Đồng Phong (Nho Quan), UBND xã Yên Mạc (Yên Mô), UBND xã Gia Phú (Gia Viễn), UBND xã Khánh Hoà (Yên Khánh)

³ 11 tập thể: Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND thành phố Ninh Bình, UBND thành phố Tam Điệp; UBND phường Nam Thành (thành phố Ninh Bình), UBND phường Trung Sơn (thành phố Tam Điệp), UBND xã Yên Mạc (huyện Yên Mô), UBND xã Chính Tâm (huyện Kim Sơn), UBND thị trấn Nho Quan (huyện Nho Quan), UBND xã Gia Phú (huyện Gia Viễn), UBND xã Ninh Hải (huyện Hoa Lư), UBND xã Khánh Hòa (huyện Yên Khánh).

⁴ Khen thưởng tại Hội nghị tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 đối với 10 tập thể: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Cục thuế tỉnh, UBND các thành phố: Ninh Bình, Tam Điệp, UBND các xã, phường: Bắc Sơn, Yên Thành, Khánh Cường, Nam Thành. 15 cá nhân thuộc các đơn vị: Sở Tài chính, Sở TTTT, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở KHĐT, Sở GTVT, Đài PTTH, Bru điện tỉnh, UBND các huyện Yên Khánh, Nho Quan, Yên Mô, UBND các xã, thị trấn: Ninh Mỹ, Kim Đông, Gia Phú, thị trấn Nho Quan.

Công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC được các cấp, các ngành của tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2016-2020, chỉ đạo, định hướng những nội dung, hình thức và biện pháp tuyên truyền Chương trình tổng thể CCHC nhà nước. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình mở các chuyên mục, chuyên trang thông tin, tuyên truyền về tình hình, kết quả thực hiện chương trình tổng thể CCHC nhà nước ở tỉnh. Từ năm 2011 đến tháng 11/2017 thực hiện mỗi tháng một chuyên mục (12 chuyên mục/năm và khoảng 30 tin, bài phát sóng trong các chương trình thời sự hàng ngày); từ tháng 12/2017 đến nay mỗi tháng thực hiện 02 chuyên mục, với thời lượng 15 phút mỗi chuyên mục (24 chuyên mục/năm và trên 60 tin, bài phát sóng trong các chương trình thời sự hàng ngày. Năm 2015, Sở Nội vụ phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh phát động “Cuộc vận động đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức” giai đoạn 2015-2020; Công đoàn viên chức tổ chức cuộc thi sân khấu hóa về “Văn hóa công sở”. Năm 2018, Công đoàn viên chức tỉnh tổ chức cuộc thi thuyết trình chủ đề năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với cuộc vận động “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức”; Năm 2019, Sở Y tế tổ chức hội thi “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Ngoài ra, một số sở, ngành, UBND cấp huyện⁴ đã tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC trong nội bộ cơ quan; tổ chức lớp tập huấn chuyên đề về CCHC.

Nội dung thông tin, tuyên truyền tập trung vào mục đích, ý nghĩa, nội dung của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về CCHC, các mô hình, cơ chế thí điểm trong CCHC, biểu dương các điển hình tiên tiến, cơ quan, đơn vị làm tốt công tác CCHC, chỉ rõ những kết quả đạt được, cũng như những tồn tại cần khắc phục trong quá trình thực hiện CCHC nhà nước.

Thông qua các hình thức thông tin, tuyên truyền đã chuyển tải được các yêu cầu, nhiệm vụ công tác CCHC, qua đó cán bộ, công chức, các tầng lớp nhân dân có nhận thức đầy đủ, rõ ràng và thống nhất về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước để có thái độ tích cực, động cơ đúng đắn hăng hái tham gia vào công cuộc CCHC nhà nước và kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước ở tỉnh.

4. Đánh giá chung

a) Mặt tích cực đạt được

10 năm qua, công tác chỉ đạo, điều hành CCHC được các cấp, các ngành ở tỉnh quan tâm triển khai và đạt được những kết quả tích cực. Các hoạt động của cơ quan hành chính được gắn kết thường xuyên với việc thực hiện các mục tiêu,

⁴ UBND huyện Yên Mô, Nho Quan, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT

nhiệm vụ của Chương trình tổng thể. Kế hoạch hàng năm, giai đoạn được xây dựng trên cơ sở chương trình tổng thể và phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, xác định rõ từng nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và phân công trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị thực hiện. Công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, trên cơ sở đó có những biện pháp hiệu quả phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại nhằm hoàn thành các nội dung, mục tiêu đã đề ra tại Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2001-2010.

b) Tồn tại, hạn chế

Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện CCHC tại một số cơ quan, đơn vị đôi khi còn thiếu kiên quyết, chưa thường xuyên, chất lượng hiệu quả chưa cao. Hiệu quả tuyên truyền CCHC chưa cao. Việc đầu tư, bố trí nhân lực, tài lực cho CCHC còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Hiến pháp năm 2013.

Ngay sau khi Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành để đối chiếu với Hiến pháp năm 2013. Kết quả, đã rà soát đối với 838 văn bản quy phạm pháp luật trong đó có 300 văn bản cấp tỉnh, 128 văn bản cấp huyện, 410 văn bản cấp xã. Qua rà soát cho thấy văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành đều phù hợp với nội dung của Hiến pháp năm 2013, không có văn bản nào đề nghị cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, trong đó, tập trung các nội dung:

- Công tác xây dựng pháp luật đã có nhiều đổi mới, quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL trong phạm vi trách nhiệm của địa phương cơ bản thực hiện theo đúng quy trình. Công tác thẩm định, tham gia ý kiến luôn được chú trọng, bảo đảm về chất lượng và tiến độ, không để chậm thời gian theo quy định; nội dung thẩm định luôn bám sát vào quy định của cơ quan nhà nước cấp trên; ý kiến thẩm định được các ngành đánh giá cao và tiếp thu kịp thời. Đặc biệt các cơ quan đã có sự trao đổi, phản biện, phối hợp với nhau trong quá trình xây dựng văn bản. Kết quả từ năm 2011 đến tháng 3/2020, Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến đối với 595 văn bản, thẩm định đối với 737 văn bản theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị. Qua đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh cơ bản bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Hệ thống văn bản pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh cơ bản được hoàn thiện, từ năm 2011 đến tháng 3/2020, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 448 văn bản QPPL (107 Nghị quyết, 341 Quyết định); HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành 1.735 văn bản QPPL (1.309 Nghị quyết, 426 Quyết định). Các văn bản QPPL được ban hành chủ yếu trên cơ sở được phân cấp tại văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương. Về cơ bản, các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung phù hợp với Hiến pháp và pháp luật; thể thức, kỹ thuật trình bày bảo đảm đúng quy định.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật được quan tâm với nhiều hình thức như tổ chức các cuộc khảo sát ở nhiều lĩnh vực theo Kế hoạch của tỉnh đề ra, thực hiện theo dõi thi hành pháp luật qua các đợt tiếp xúc cử tri, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân...

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Hàng năm, các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố đều ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Bên cạnh việc rà soát văn bản theo Kế hoạch, các cấp, các ngành còn tiến hành rà soát theo chuyên đề, theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương nhằm kịp thời phát hiện những nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật để kiến nghị xử lý. Giai đoạn 2011-2020, tỉnh đã tiến hành 02 đợt tổng rà soát văn bản vào năm 2014 và 2019, riêng cấp tỉnh đã rà soát 1.336 văn bản QPPL, đã kiến nghị HĐND, UBND tỉnh bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế đối với 304 văn bản quy phạm pháp luật do có toàn bộ nội dung hoặc một phần nội dung không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc không còn được áp dụng trên thực tế.

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: Sở Tư pháp đã được tỉnh giao tự kiểm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành. Từ năm 2011 đến tháng 3/2020, Sở Tư pháp đã thực hiện tự kiểm tra đối với 341 văn bản QPPL (326 Quyết định, 15 chỉ thị). Qua kiểm tra cho thấy các văn bản cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, vẫn còn một số văn bản chưa phù hợp với quy định, các văn bản này đã được các cơ quan, đơn vị kịp thời xử lý. Ngoài ra, Sở Tư pháp và UBND cấp huyện đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 1.442 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành, trong đó 1.017 văn bản đảm bảo về thẩm quyền và nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày, phát hiện 02 văn bản không phù hợp về thẩm quyền, 304 văn bản có nội dung không phù hợp, 119 văn bản sai về thể thức kỹ thuật trình bày. Các vấn đề được phát hiện qua kiểm tra đã được kịp thời sửa chữa, điều chỉnh cho phù hợp.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh:

Ngay sau khi các văn bản QPPL được ban hành, các cấp các ngành trên địa bàn tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện trên thực tế. Công tác tuyên truyền, giám sát được quan tâm. Tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú như: Tổ chức hội nghị, tổ chức các cuộc thi sân khấu hóa, trên hệ thống trang website, cổng thông tin điện tử của tỉnh...HĐND thực hiện công tác giám sát văn bản QPPL của UBND cùng cấp thông qua việc gửi văn bản, giám sát tại kỳ họp, tiếp xúc cử tri. Hàng năm HĐND tỉnh tổ chức thành lập Đoàn khảo sát tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND cấp dưới, trong đó, chú trọng kiểm tra việc ban hành văn bản QPPL; một số HĐND cấp huyện đã thành lập Đoàn giám sát để tiến hành giám sát văn bản QPPL của UBND cấp huyện, văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã. Hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên được quan tâm thực hiện.

Kết quả, qua tổng kết cho thấy cơ chế, chính sách của tỉnh có tác động tích cực đến các mặt của đời sống xã hội, có tính khả thi, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; chính sách an sinh được quan tâm và triển khai đồng bộ.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc đánh giá tác động chính sách ở một số cơ quan vẫn còn lúng túng; chất lượng đánh giá tác động chính sách vẫn còn hạn chế, nên dẫn đến tình trạng một số văn bản QPPL được ban hành nhưng tính khả thi không cao. Chất lượng một số dự thảo văn bản còn chưa cao. Một số nội dung không phù hợp chưa được kiểm tra, phát hiện kịp thời hoặc phát hiện nhưng chậm được sửa đổi, ban hành mới.

- Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật mới chỉ quan tâm đến rà soát hiệu lực của văn bản, chưa quan tâm đến nội dung để phát hiện các quy định chưa phù hợp, trái quy định, mâu thuẫn, chồng chéo để xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

Nguyên nhân của tồn tại trên là do thể chế còn bất cập, một số văn bản của Trung ương quy định chưa rõ ràng, chồng chéo; số lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành hàng năm khá nhiều, có trường hợp thiếu sự định hướng về chính sách nên quy định chi tiết phức tạp, có nhiều ý kiến khác nhau. Đội ngũ công chức làm công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở một số đơn vị vẫn còn thiếu tính chuyên nghiệp, việc tổ chức lớp bồi dưỡng chuyên sâu về công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản còn ít.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành.

Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát

thủ tục hành chính; kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC để tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Về kiểm soát TTHC

- Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng dự thảo Văn bản QPPL phải lấy ý kiến của cơ quan kiểm soát TTHC, do đó các văn bản quy phạm pháp luật được Văn phòng UBND tỉnh tham gia ý kiến trước khi ban hành đều không có các quy định mới về TTHC.

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo các quy định của Chính phủ: Hằng năm UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết để đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC. Kết quả, tỉnh đã thông qua các phương án đơn giản hoá 560 TTHC, bãi bỏ 01 TTHC không còn phù hợp.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình; thực hiện việc công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, đồng thời tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh các địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, qua đó người dân có thể gửi phản ánh kiến nghị đến các địa chỉ như: <http://nguoidan.chinhphu.vn> hoặc <http://doanhnghiep.chinhphu.vn>; gửi đến địa chỉ thư điện tử: Bbt@ninhbinh.gov.vn; gửi đến Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình (địa chỉ: Số 3, đường Lê Hồng Phong, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình); hoặc phản ánh qua số điện thoại 02293.553.999, số Fax 02293.871.890. Từ năm 2011 đến nay, toàn tỉnh đã tiếp nhận và xử lý 19/19 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến quy định hành chính và hành vi hành chính. Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị đều được công khai đảm bảo đúng quy định.

- Việc cập nhật, công bố, công khai TTHC theo quy định. Các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định công bố đã được các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh niêm yết đầy đủ, công khai tại trụ sở nơi giải quyết các TTHC và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị. Sở Tư pháp, sau đó là Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng dịch vụ công quốc gia; thực hiện đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính với Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh đảm bảo đúng quy định; tổ chức triển khai thực hiện Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; thực hiện việc quản lý, vận hành hệ thống Bộ câu hỏi/trả lời về những vấn đề thường gặp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

mức độ 4 đảm bảo đúng theo lộ trình. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Ninh Bình hoàn thành việc tích hợp dùng chung hệ thống xác thực (SSO) của Công Dịch vụ công quốc gia; việc kết nối Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh đến mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trục liên thông văn bản quốc gia (VDXP) đảm bảo đúng quy định.

c) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản⁵ quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, về thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Bình để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức. Đến nay, 18/18 sở, ban, ngành; 8/8 huyện, thành phố và 143/143 xã, phường, thị trấn tiếp tục duy trì thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan đã bố trí phòng làm việc, đầu tư các trang thiết bị, phân công lãnh đạo phụ trách, kiện toàn Trưởng bộ phận và bố trí đầy đủ cán bộ có năng lực làm việc tại bộ phận một cửa của cơ quan, đơn vị.

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến 31/3/2020, toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 4.882.771 hồ sơ, trả đúng hạn là 4.869.759 hồ sơ, đạt 99,73% thuộc 340 lĩnh vực, trong đó: Cấp tỉnh 256 lĩnh vực, cấp huyện 48 lĩnh vực, cấp xã 36 lĩnh vực

Hiện tại, UBND tỉnh đã phê duyệt 18 Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính với 1.788 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 17 Quyết định với 1.768 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh nhằm quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân.

d) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến mức độ 3, mức độ 4

Năm 2016, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh mới triển khai thực hiện được 82 DVC trực tuyến mức độ 3. Tuy nhiên, đến nay đã có 516 DVC mức độ 3, 299 DVC mức độ 4 được triển khai và chỉ trong 3 tháng đầu năm 2020 đã tiếp nhận trực tuyến 29.811 hồ sơ mức độ 3 (đã giải quyết trực tuyến 1.537 hồ sơ, đạt tỷ lệ 5,1%); 2.321 hồ sơ mức độ 4 (đã giải quyết trực tuyến là 1.357 hồ sơ, đạt tỷ lệ 58,4%).

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu

⁵ Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 04/10/2018 về thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị quyết số 05-NQ/BCS ngày 10/01/2019 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 05- NQ/BCS ngày 10/01/2019 của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 về việc thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Bình...

chính công ích, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về việc công bố Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trong năm 2018, số lượng hồ sơ thực hiện tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích là: 5.966 hồ sơ, trong đó tiếp nhận 33 hồ sơ; chuyển trả kết quả 5.933 hồ sơ; năm 2019, số lượng hồ sơ thực hiện tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích là 8.711 hồ sơ, trong đó tiếp nhận 832 hồ sơ; chuyển trả kết quả 7.879 hồ sơ.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Chất lượng nội dung, thể thức hồ sơ TTHC của một số sở, ban, ngành trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố còn chưa đạt yêu cầu, vì vậy việc công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện theo đúng thời gian quy định. Công tác tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính chưa sâu, hình thức tuyên truyền chưa đa dạng; việc niêm yết TTHC ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa thuận lợi cho việc xem, tra cứu của người dân

- Tại một số cơ quan, đơn vị việc thực hiện dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 chưa được thực hiện thường xuyên, còn tình trạng hồ sơ trễ hẹn, việc gửi thư xin lỗi đối với việc trễ hẹn còn hạn chế.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên là do một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức tới việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC và kiểm soát thủ tục hành chính, nhất là đối với cấp xã; thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi dẫn đến việc cập nhật, trình UBND tỉnh công bố, niêm yết công khai gặp khó khăn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân (UBND), cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

Căn cứ các Nghị quyết của Trung ương, Chương trình hành động của Chính phủ về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản⁶ chỉ đạo, triển khai thực hiện theo đúng quy định.

⁶ Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/02/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch 79-KH/TU ngày 31/1/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 11/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết 10/NQ-CP ngày 03/2/2018 của Chính phủ và Kế hoạch 79-KH/TU; Quyết định số

Từ năm 2011 đến nay UBND tỉnh đã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho 20/20 sở và tương đương, 5/5 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; đồng thời chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các sở, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho các phòng, ban chuyên môn trực thuộc theo Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương. Việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho các đơn vị được đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch của các Bộ, ngành. Do đó, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được xác định rõ ràng, hợp lý, tránh được sự trùng chéo với các tổ chức trong cùng địa phương và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

- Từ năm 2011 đến nay, tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, số lượng cơ quan hành chính cũng có sự thay đổi, cụ thể:

+ Về cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, tính đến tháng 3/2020, toàn tỉnh có 18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Ninh Bình và 02 cơ quan ngang Sở là Văn phòng HĐND tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp (tăng 01 Sở, giảm 01 Ban Chỉ đạo so với năm 2011)⁷.

+ Về phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, năm 2011 có 136 phòng, 16 chi cục và tương đương. Từ năm 2011 đến năm 2015: Số lượng phòng chuyên môn tại các Sở tăng 10 phòng; thành lập mới 04 Chi cục theo đúng các Văn bản hướng dẫn của Trung ương⁸. Từ năm 2015 đến nay, đã thành lập 02 tổ chức hành chính trực thuộc Sở theo quy định, đồng thời thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, Chương trình hành động của Chính phủ về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tỉnh đã thực hiện giảm 03 Chi cục, 05 phòng chuyên môn trực thuộc Sở⁹

+ Đối với đơn vị sự nghiệp: Năm 2011: 742 đơn vị sự nghiệp công lập. Từ năm 2011 đến năm 2015: tỉnh Ninh Bình đã thành lập mới 13 đơn vị sự

1584/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

⁷ Thành lập Sở Du lịch trên cơ sở tách chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn về Du lịch từ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; tách Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Văn phòng HĐND tỉnh; chuyển Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng tinh sang khối Đảng quản lý

⁸ : thành lập Chi cục Văn thư - Lưu trữ trực thuộc Sở Nội vụ; Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và xã hội; Chi cục Quản lý biển đảo và Chi cục Quản lý đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; tăng 10 phòng chuyên môn (Văn phòng UBND tỉnh tăng 03 phòng; Sở Kế hoạch và Đầu tư tăng 01 phòng; Sở Tài chính tăng 02 phòng; Sở Giao thông vận tải tăng 01 phòng; Sở Khoa học và công nghệ tăng 01 phòng; Sở Y tế tăng 02 phòng).

⁹ :Giảm 03 Chi cục (sáp nhập Chi cục dê điều và phòng chống lụt bão vào Chi cục thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sáp nhập Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội và Phòng Bảo vệ chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới thành Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em, trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; bàn giao Chi cục Quản lý thị trường về Tổng cục quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công thương); giảm 12 Phòng chuyên môn (Sở Nội vụ giảm 02 phòng; Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 01 phòng; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn giảm 02 phòng; Sở Y tế giảm 01 phòng; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh giảm 02 phòng; Sở Kế hoạch và Đầu tư giảm 01 phòng; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội giảm 01 phòng, Sở Tài chính giảm 02 phòng); thành lập mới 07 phòng chuyên môn thuộc Sở Du lịch, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

nghiệp công lập đúng các Văn bản hướng dẫn của Trung ương¹⁰. Từ năm 2015 đến nay, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các Văn bản (Nghị định, Thông tư) của Bộ, ngành Trung ương, toàn tỉnh đã giảm được 93 đơn vị sự nghiệp công lập, các Ban quản lý dự án và các trạm; thành lập mới 04 đơn vị sự nghiệp công lập¹¹.

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của tỉnh: Hàng năm, UBND tỉnh đã giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Năm 2011, toàn tỉnh có 1.719 biên chế hành chính (1.704 chỉ tiêu và 15 lao động), 16.331 biên chế sự nghiệp (16.228 chỉ tiêu và 103 lao động), 847 chỉ tiêu biên chế cán bộ y tế cơ sở. Đến năm 2020, có 1.563 biên chế công chức và 208 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. 20.176 biên chế sự nghiệp (20.109 biên chế trong đơn vị sự nghiệp, 67 biên chế trong các Hội) và 422 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (409 hợp đồng lao động lao động trong đơn vị sự nghiệp, 13 hợp đồng lao động trong các Hội). Từ năm 2015 trở lại đây, tỉnh đã nghiêm túc triển khai các quy định về tinh giản biên chế, nhờ đó, số lượng biên chế đã giảm đáng kể, nhất là biên chế công chức.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành quy chế làm việc, thông báo phân công nhiệm vụ cho các thành viên UBND tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2016-2021. UBND các huyện, thành phố đã phân công trách nhiệm của các thành viên UBND, rà soát, ban hành quy chế làm việc để quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn đến từng bộ phận, từng cá nhân trong cơ quan. Công tác phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị trên

¹⁰ : Thành lập Trung tâm Lưu trữ - Lịch sử, thuộc Chi cục Văn thư Lưu trữ, Sở Nội vụ; Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng, Chi cục Giám định xây dựng, Sở Xây dựng; Trung tâm Thông tin và thống kê khoa học công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và công nghệ; Trung tâm hỗ trợ khách du lịch trực thuộc Sở Văn hóa, thể thao và du lịch.

¹¹ : Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (Sáp nhập Trường Tiểu học và Trường THCS trên cùng địa bàn xã Gia Minh, xã Gia Vượng, Chính Tâm, Xuân Thiện, Yên Mật thành trường phổ thông nhiều cấp học; sáp nhập trường THCS Lê Quý Đôn vào Trường THCS thị trấn Yên Ninh; sáp nhập Trường mầm non Chính Tâm và Trường Mầm non Xuân thiện; giải thể trường mầm non Yên Mật); lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (sáp nhập Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và Trung tâm Tin học, ngoại ngữ và hướng nghiệp; sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên các huyện Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô, Gia Viễn, Hoa Lư, TP Tam Điệp; sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Tại chức tỉnh, Trường Trung cấp dạy nghề huyện Nho Quan; giải thể Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Ninh Bình); lĩnh vực y tế (sáp nhập Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Da liễu, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe; sáp nhập Trung tâm Y tế huyện/TP và Bệnh viện Đa khoa huyện/TP trên cùng địa bàn các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Tam Điệp, Yên Khánh, Yên Mô; Sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các huyện, thành phố vào Trung tâm Y tế huyện, thành phố; sáp nhập Trạm y tế xã Chính Tâm và Trạm y tế xã Xuân Thiện ; giải thể Trạm Y tế Yên Mật); lĩnh vực khoa học và công nghệ (sáp nhập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học công nghệ); lĩnh vực văn hóa, thể dục và thể thao (sáp nhập Trung tâm văn hóa - thể thao và Đài truyền thanh các huyện, thành phố: Nho Quan, Gia viễn, Hoa Lư, Ninh Bình, Yên Khánh); lĩnh vực sự nghiệp khác (sáp nhập Trung tâm Xúc tiến du lịch và Trung tâm hỗ trợ khách du lịch; sáp nhập Trung tâm Đầu tư phát triển cụm công nghiệp và Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại; giải thể phòng công chứng số 02 trực thuộc Sở Tư pháp; giải thể Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp; hợp nhất các Ban quản lý dự án cấp tỉnh, cấp huyện; hợp nhất 24 Trạm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Thành lập mới 04 đơn vị sự nghiệp công lập: Trường Tiểu học Tây Sơn, Trường Tiểu học Yên Bình; Trung tâm Điều dưỡng người có công; Trường Thực hành sư phạm Tràng An

địa bàn tỉnh được triển khai nghiêm túc nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Về phân cấp quản lý

- Việc thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương: Tỉnh đã chỉ đạo, triển khai đầy đủ các quy định phân cấp tại địa phương, đặc biệt là 05 lĩnh vực¹² phân cấp theo quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ. Trong đó, tỉnh đã ban hành các quy định như Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức lao động tỉnh Ninh Bình; quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình, quy định về phân bổ ngân sách nhà nước, quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện một số nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường... làm cơ sở để phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh phân cấp cho cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới. Từ năm 2011 đến nay, các cơ quan, đơn vị thường xuyên tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp dưới. Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế để tìm biện pháp khắc phục hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

Hàng năm, Sở Nội vụ đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2011 đến nay, Thanh tra Sở Nội vụ đã tổ chức 42 cuộc thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ đối với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (29 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với các sở, ngành, 13 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 8 huyện, thành phố). Theo đó, đã ghi nhận những kết quả đạt được đồng thời chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong công tác tổ chức cán bộ như: Một số cơ quan, đơn vị còn sử dụng lao động hợp đồng làm công tác chuyên môn ở các đơn vị sự nghiệp, còn trung tâm viên chức lên làm việc tại các phòng chuyên môn của sở, huyện; một số trường hợp bổ nhiệm lại còn chậm về thời gian hoặc chưa đáp ứng về điều kiện, tiêu chuẩn; một số trường tiểu học, trung học cơ sở khi giảm số lớp, số học sinh nhưng chưa điều chuyển hiệu phó dẫn đến thừa số lượng cấp phó so với quy định,... Sau khi có kết luận thanh tra, kiểm tra, Sở Nội vụ đã đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện những kiến nghị mà đoàn thanh tra, kiểm tra chỉ ra và tổ chức kiểm điểm

¹² 05 lĩnh vực phân cấp: Quản lý ngân sách nhà nước, Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, Quản lý đầu tư, Quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, Quản lý đất đai

rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế, sai phạm. Đến nay, các tồn tại, hạn chế cơ bản được khắc phục.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công: UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho 09 đơn vị, gồm Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Tam Điệp; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Viện Quy hoạch - Xây dựng; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Đa khoa huyện Nho Quan; Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn; đồng thời tham mưu UBND tỉnh giao UBND các huyện, thành phố phê duyệt Phương án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (Trung tâm vệ sinh môi trường đô thị; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng...). Việc phê duyệt phương án tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã tạo điều kiện cho các đơn vị tự chủ trong điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động đồng thời giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã có 3 lần rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã. Theo đó, năm 2012, sáp nhập xã Yên Phú vào thị trấn Yên Thịnh (huyện Yên Mô); năm 2015, thành phố Tam Điệp được thành lập trên cơ sở nâng cấp thị xã Tam Điệp, đồng thời thành lập Phường Yên Bình trên cơ sở nâng cấp xã Yên Bình thuộc thị xã Tam Điệp; tháng 2/2020, sáp nhập xã Xuân Thiện và xã Chính Tâm thành xã Xuân Chính; giải thể xã Yên Mật, địa bàn sáp nhập vào xã Kim Chính và xã Như Hòa (huyện Kim Sơn).

Như vậy, năm 2011, tỉnh có 8 đơn vị hành chính cấp huyện (06 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố) và 146 đơn vị cấp xã (123 xã, 16 phường, 7 thị trấn), đến nay, sau khi sắp xếp thì tỉnh Ninh Bình còn 8 đơn vị hành chính cấp huyện (06 huyện, 02 thành phố) và 143 đơn vị cấp xã (119 xã, 17 phường, 7 thị trấn).

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mới tại một số sở ngành còn khó khăn do phải sáp nhập một số phòng ban.

- Việc chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính còn khó khăn.

- Số biên chế công chức Bộ Nội vụ giao cho tỉnh còn thấp so với số lượng các cơ quan chuyên môn và các đơn vị hành chính cấp huyện, do vậy địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí, sử dụng cũng như triển khai thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

- Trong lĩnh vực y tế, giáo dục, số lượng biên chế sự nghiệp còn chưa đảm bảo do nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân ngày càng tăng, đòi hỏi phải thành lập mới một số Bệnh viện và tăng thêm giường bệnh cho các bệnh viện; số

học sinh tăng mạnh ở bậc học Mầm non và Tiểu học, dẫn đến thiếu lớp và thiếu giáo viên đứng lớp.

Nguyên nhân là do một số văn bản liên quan đến tổ chức bộ máy còn thiếu các văn bản hướng dẫn hoặc còn chông chéo về quy định: Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định về tổ chức pháp chế, trong khi các Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh không có phòng pháp chế; Một số Bộ, ngành hiện nay chưa ban hành Thông tư hướng dẫn về việc chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính (các lĩnh vực như: Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông).

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm: Căn cứ Quyết định số 2044/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Ninh Bình, UBND tỉnh đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho công chức thuộc 8/8 huyện, thành phố và 20/20 cơ quan sở, tương đương thuộc tỉnh, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức theo đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức. Ngoài ra, UBND tỉnh phê duyệt vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp cho các đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ngành có đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp theo vị trí việc làm theo quy định.

- Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được đổi mới cả về tuyển dụng, nâng ngạch, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại. Theo đó, từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã tuyển dụng được 326 công chức, 5.742 viên chức; tổ chức thi nâng ngạch theo thẩm quyền hoặc cử công chức đi dự thi nâng ngạch đối với 182 người, thăng hạng cho 646 viên chức. Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý cho 29 người; thực hiện chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính với 18 công chức (13 người tốt nghiệp sau đại học hạng giỏi, xuất sắc ở nước ngoài, 03 sinh viên tốt nghiệp hệ đại học hạng giỏi, xuất sắc ở nước ngoài, 02 tốt nghiệp thủ khoa hệ đại học chính quy tại các trường Đại học công lập trong nước) và trên 1.300 viên chức. Công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định hàng năm, trong đó đã gắn đánh giá công chức, viên chức với mức độ hoàn thành nhiệm vụ cụ thể của từng người, có đơn vị đã ban hành thang điểm để đánh giá công chức, viên chức đảm bảo công bằng, chính xác.

- Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được đổi mới. Theo đó, nội dung đào tạo được cập nhật phù hợp với thực tiễn, với từng đối tượng người học, chú ý đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp. Từ năm 2011 đến nay, đã cử 817 cán bộ, công chức, viên chức đi học đại học, sau đại học; tổ chức mở 579 lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho 45.505 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Năm 2019, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức điện tử toàn tỉnh thông qua sử dụng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức của Công ty Cổ phần MISA. Phần mềm giúp các cơ quan, đơn vị lưu trữ dữ liệu cán bộ, công chức tập trung; dễ dàng tra cứu hồ sơ cán bộ, công chức; công tác tổng hợp báo cáo, thống kê về tình hình cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý từ dữ liệu của đơn vị cấp dưới nhanh chóng, đơn giản và chính xác cao, tiết kiệm thời gian. Phần mềm giúp các đơn vị cấp dưới tự động lập đầy đủ các báo cáo về tình hình cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị một cách nhanh chóng, chính xác và đồng bộ lên dữ liệu của các đơn vị chủ quản, cơ quan nội vụ để tổng hợp báo cáo toàn ngành, toàn địa bàn. Đến nay, Sở Nội vụ đã phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai sử dụng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức đối với cấp tỉnh, cấp huyện và triển khai nhập liệu phần mềm Quản lý cán bộ, công chức đến cấp xã thử nghiệm đối với UBND huyện Gia Viễn.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 302/UBND-VP7 ngày 30/09/2016 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 31/5/2019 về triển khai Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, đồng thời thành lập Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Sở Nội vụ đã phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh phát động Cuộc vận động “đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức” khối sở ngành và khối huyện, thành phố, tổ chức các cuộc thi về văn hóa công sở, về quy tắc ứng xử... Kết quả đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tốt các quy định về đạo đức, văn hoá công sở, văn hoá giao tiếp trong cơ quan.

b) Về cán bộ, công chức cấp xã

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được tỉnh quan tâm bố trí về số lượng, chất lượng để thực thi nhiệm vụ, cụ thể:

- Về số lượng, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đến nay là 3.029 người (trong đó có 1.420 cán bộ, 1.609 công chức).

- Về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã:

+ Về chuyên môn: Sơ cấp: 80 người (tỷ lệ 2,64%); Trung cấp: 565 người (tỷ lệ 18,65%); Cao đẳng: 166 người (tỷ lệ 5,48%); Đại học: 2.133 người (tỷ lệ 70,42%); Trên đại học: 85 người (tỷ lệ 2,81%); không có cán bộ, công chức cấp xã chưa qua đào tạo.

+ Về lý luận chính trị: Chưa qua đào tạo: 512 người (tỷ lệ 16,9%); Sơ cấp: 608 người (tỷ lệ 20,07%); Trung cấp: 1.874 người (tỷ lệ 61,86%); Cao cấp: 33 người (tỷ lệ 1,1%); Cử nhân: 02 người (tỷ lệ 0,07%).

+ Về quản lý nhà nước: Chưa qua bồi dưỡng: 1.585 người (tỷ lệ 52,33%); Cán sự: 598 người (tỷ lệ 19,74%); Chuyên viên: 824 người (tỷ lệ 27,2%); Chuyên viên chính: 22 người (tỷ lệ 0,73%).

+ Về tin học: 2.282 người có chứng chỉ bồi dưỡng tin học, tỷ lệ 75,34% và 11 người có trình độ chuyên môn trung cấp trở lên về tin học, tỷ lệ 0,36%.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tại một số cơ quan, đơn vị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, công vụ.

- Việc xử lý kỷ luật công chức, viên chức vi phạm quy định của pháp luật còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do các quy định như hết thời hiệu xử lý kỷ luật, công chức, viên chức vi phạm đã nghỉ hưu, chuyển công tác khỏi cơ quan nhà nước.

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức có thể làm việc trong môi trường quốc tế còn ít.

Nguyên nhân là do một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, đổi mới phong cách làm việc để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số văn bản QPPL về tổ chức cán bộ đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện, quy định còn thiếu thống nhất, do đó còn gặp khó khăn, vướng mắc cho hoạt động thanh tra, kiểm tra và triển khai áp dụng trên thực tiễn.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Tỉnh đã bố trí kịp thời kinh phí để thực hiện chính sách cải cách về thu nhập, tiền lương, tiền công; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố về việc xác định nguồn và nhu cầu để thực hiện các chính sách về tiền lương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện chi trả kịp thời đầy đủ tiền lương, tiền công tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức. Ngoài ra, tỉnh đã bố trí kinh phí để thực hiện chính sách an sinh, xã hội và phân bổ kịp thời cho các cơ quan để thực hiện như: Kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân: hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho người cao tuổi từ 75 đến

79 tuổi trên địa bàn tỉnh, kinh phí thực hiện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm..., Kinh phí thực hiện công tác “Đền ơn đáp nghĩa” và chăm lo đời sống người có công và bảo trợ xã hội như: Kinh phí tặng quà dịp tết nguyên đán cho người có công, các gia đình thương binh liệt sỹ, người cao tuổi, người nghèo, người tàn tật, không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...; kinh phí thực hiện công tác giảm nghèo, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách..., kinh phí thực hiện trợ giúp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh

- Về cổ phần hóa doanh nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, trong đó Sở Tài chính là cơ quan thường trực tổ chức cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, thoái vốn nhà nước tại các công ty cổ phần. Kết quả, năm 2011, toàn tỉnh có 06 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; đến nay đã có 03 doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV Môi trường dịch vụ đô thị thành phố Ninh bình, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thị xã Tam Điệp, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Ninh Bình) đã hoàn thành xong việc cổ phần hóa¹³ và 01 doanh nghiệp là Công ty TNHH MTV Bình Minh đang thực hiện cổ phần hóa, dự kiến trong Quý IV năm 2020 sẽ hoàn thành. Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện cổ phần hóa Đoạn quản lý giao thông số 1, Đoạn quản lý giao thông số 2 và Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 3501s thuộc Sở Giao thông vận tải. Quá trình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đảm bảo theo đúng quy trình, nội dung quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ ngành có liên quan và Kế hoạch của UBND tỉnh đề ra. Đồng thời không để thất thoát, lãng phí tài sản, đất đai của Nhà nước, kết quả bán cổ phần hóa với giá trị nộp NSNN luôn cao hơn giá trị sổ sách, kế toán; không có trường hợp nào sai sót hay khiếu kiện xảy ra.

- Về thoái vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần: Tỉnh đã hoàn thành thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần cấp thoát nước Ninh Bình không để thất thoát, lãng phí tài sản, đất đai của Nhà nước, với giá trị trúng đấu giá là 350 tỷ đồng, tăng 98 tỷ so với giá khởi điểm, tăng 1,48 lần so với giá trị sổ sách kế toán. Ngoài ra, tỉnh đang thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần và dịch vụ đô thị Ninh Bình, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp, dự kiến trong năm 2020 sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng vốn Nhà nước tại 02 công ty.

¹³ Công ty TNHH MTV Môi trường dịch vụ đô thị thành phố Ninh bình cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị thành phố Ninh Bình, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thị xã Tam Điệp cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Ninh Bình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần cấp thoát nước Ninh Bình.

c) Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở tỉnh.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc là Trung tâm Ứng dụng, Thông tin khoa học công nghệ và Đo lường thử nghiệm trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị gồm: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học công nghệ. Theo đó, Trung tâm đã được phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh

Trong giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền, định mức phân bổ chi thường xuyên, gồm: Các nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình; Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình các năm.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2020 đã khẳng định hệ thống định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước là căn cứ quan trọng để xây dựng dự toán chi thường xuyên đối với các cơ quan ở tỉnh và địa phương; là cơ sở quan trọng để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách địa phương, tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật NSNN.

Trên cơ sở hệ thống định mức do HĐND tỉnh ban hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể chủ động xây dựng dự toán ngân sách của mình và có khả năng xác định được số kinh phí được phân bổ.

đ) Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND về quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012-2016. Theo đó, tỉnh thực hiện chính sách miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đất đô thị và đất ở; miễn phí, lệ phí liên quan đến quyền sử dụng đất; ưu đãi khi chuyển đổi hình thức hoạt động. 100% các lớp 5 tuổi các trường Mầm non, các trường Tiểu học, THCS, THPT và TTGDTX trong tỉnh có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT để phục vụ dạy và học

e) Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa, Thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng

Công tác xã hội hóa y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao trong tỉnh đã huy động được các nguồn lực của xã hội để đầu tư cho phát triển, đặc biệt là việc đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học, công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và cảnh quan trường học, xây dựng trường chuẩn Quốc gia các cấp học. Cơ sở vật chất của các trường ngày càng được hoàn thiện, nâng cấp góp phần thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục các cấp học, đặc biệt là phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi và phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. Quy mô và các loại hình trường, lớp (công lập và ngoài công lập) ở tất cả các cấp học tiếp tục phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân trong tỉnh.

g) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh

- 100% các cơ quan hành chính¹⁴ đã thực hiện cơ chế tự chủ, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị đã bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn định mức, mức chi thống nhất trong đơn vị đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả và tăng cường công tác quản lý.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được tỉnh giao quyền tự chủ tài chính, Năm 2011, có 06 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 284 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; 318 đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Đến tháng 3/2020, có 22 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên đã tăng từ 1,7% năm 2011 lên 3,7% năm 2020); 375 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; 195 đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị đã tạo điều kiện cho đơn vị chủ động sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên ngân sách nhà nước giao, góp phần bảo đảm bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm. Nhờ tăng cường khai thác nguồn thu, tiết kiệm chi và thực hiện cơ chế tự chủ, thu nhập và đời sống của người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã từng bước được nâng lên.

¹⁴ Cơ quan hành chính tự chủ khối tỉnh: Năm 2011 là 69 đơn vị, năm 2012 là 70 đơn vị, năm 2013 đến năm 2015 là 71 đơn vị, năm 2016 là 58 đơn vị, năm 2017 và 2018 là 47 đơn vị, từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2020 là 45 đơn vị. Khối huyện: Năm 2016: 25 đơn vị, 2017: 47 đơn vị, năm 2018: 23 đơn vị, năm 2019 đến tháng 3/2020: 25 đơn vị.

100% các đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công và thực hiện công khai tài chính, tài sản cơ bản theo đúng quy định.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại một số đơn vị còn chưa chi tiết, cụ thể, có nội dung thực hiện chưa theo đúng quy chế. Số đơn vị có kinh phí tiết kiệm và đơn vị có chi trả thu nhập tăng thêm ít, mức chi trả thu nhập tăng thêm thấp.

- Việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại công ty cổ phần còn gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân của những tồn tại nêu trên là do: Nhận thức chưa đầy đủ của một số cán bộ, công chức, viên chức về xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ; một số văn bản quy phạm pháp luật còn chưa thống nhất, chưa rõ ràng hoặc chưa phù hợp với thực tế như quy định về đánh giá xếp loại người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Nghị định số 97/2015/NĐ-CP, quy định về giám sát tại doanh nghiệp có vốn nhà nước, quy định về mức thu phí qua cầu đường...

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh

Xác định vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện, như: Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2011- 2015; giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch triển khai nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử của tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử và phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2018- 2023; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Quyết định phê duyệt khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Bình, phiên bản 1.0; Quyết định phê duyệt lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2015, định hướng đến năm 2020, các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm...

Ngoài ra, tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo Ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Ninh Bình; Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Bình để kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng CNTT tại tỉnh

- Về hạ tầng CNTT, hạ tầng các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thường xuyên được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành và hoạt động của các đơn vị. Có 100% cơ quan, đơn vị có mạng nội bộ (LAN), đến nay tổng số máy chủ tại các cơ quan nhà nước là 62 máy; tổng số máy trạm là 3.605 máy; 100% cơ quan, đơn vị được kết nối đường truyền Internet tốc độ cao để phục vụ ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và ứng dụng các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành; hạ tầng mạng truyền dẫn hiện đã được kết nối tới thiết bị đầu cuối cho tất cả các cơ quan nhà nước trong tỉnh bằng đường truyền cáp quang. Trung tâm tích hợp dữ liệu đang được đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đạt theo tiêu chuẩn, quy chuẩn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh. Hiện nay tỉnh đã và đang triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II phục vụ hoạt động truyền số liệu và ứng dụng CNTT cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Về nhân lực, hiện nay tỉnh Ninh Bình có 124 công chức, viên chức chuyên trách về CNTT tại các cơ quan, đơn vị, trong đó trình độ thạc sỹ là 57 người; đại học 59 người; cao đẳng 8 người. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng cơ bản hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng là 3.115 người. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng về CNTT cho đội ngũ cán bộ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm. Tỉnh thường xuyên tổ chức đào tạo tập huấn, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho các cán bộ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; xây dựng Kế hoạch và diễn tập an toàn thông tin, ứng cứu sự cố mạng máy tính của các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp, tổ chức chính trị xã hội.

- Về triển khai hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tỉnh đã tập trung việc số hóa hồ sơ lưu trữ, hồ sơ quản lý ngành; tập trung đầu tư, xây dựng Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu nội tỉnh (LGSP) của tỉnh tạo nền tảng hạ tầng phục vụ việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các ngành, địa phương trong tỉnh và kết nối với Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NGSP); đầu tư máy chủ, hạ tầng CNTT và trang thiết bị phục vụ công tác tích hợp, và triển khai Hệ thống phần mềm nền tảng tích hợp giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan đơn vị và trang bị máy chủ bảo mật đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật thông tin kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỉnh cũng đã triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin báo cáo, phục vụ quản lý toàn bộ báo cáo của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trên cơ sở thống nhất các biểu mẫu, chỉ số, gói tin báo cáo, thực hiện kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ.

- Việc sử dụng chứng thư số chuyên dùng của Chính phủ

Tính từ năm 2014 đến hết năm 2019, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai cung cấp 1.853 chứng thư số (1.361 chứng thư số cá nhân và 492 chứng thư số tổ chức; trong đó cấp xã: cấp 351 chứng thư số cá nhân, 145 chứng thư số tổ chức). Đã triển khai cấp SIM

PKI phục vụ việc ký số trên thiết bị di động cho 106 cá nhân của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai ứng dụng chữ ký số trong gửi nhận, hồ sơ, văn bản điện tử được các cơ quan, đơn vị quan tâm, quyết liệt triển khai, đến nay đã có khoảng hơn 70% cơ quan, đơn vị thực hiện ký số tổ chức và cá nhân là lãnh đạo trong gửi nhận văn bản điện tử trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh. Tính đến 31/3/2020, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp 1953 chứng thư số; 111 SIM PKI.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh

Công thông tin điện tử của tỉnh đã được đầu tư, nâng cấp, cung cấp đầy đủ các tính năng của công và cung cấp tương đối đầy đủ các thông tin chỉ đạo điều hành. Có 27/27 cơ quan nhà nước đã xây dựng được trang thông tin điện tử (TTĐT), trong đó, 08 đơn vị có trang TTĐT tổng hợp, đặc biệt Sở Du lịch hiện đang quản lý 03 trang TTĐT tổng hợp. Các trang TTĐT của các đơn vị đã triển khai cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định.

Việc triển khai ứng dụng phần mềm phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành được thực hiện thường xuyên trên hệ thống phần mềm chỉ đạo điều hành công việc của UBND tỉnh và Hệ thống phần mềm quản lý văn bản của tỉnh. Từ tháng 8/2016, tỉnh bắt đầu chuyển đổi sang sử dụng phần mềm QLVB VNPT-iOffice của Viễn thông Ninh Bình thay thế phần mềm trước đây (eOffice) tại một số đơn vị để gửi/nhận các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, và thực hiện việc kết nối liên thông văn bản 4 cấp từ Trung ương đến UBND các xã, phường, thị trấn. Đến nay, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh đã triển khai đến 100% các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị. Tính đến 01/4/2020, trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của tỉnh có 3.105.414 văn bản được lưu chuyên. Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của tỉnh đã kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia giúp các cơ quan, đơn vị gửi văn bản liên thông các cấp trên trực liên thông văn bản quốc gia. Tính đến tháng 3/2020, đã có 2.643 văn bản được gửi - nhận trên trực liên thông văn bản quốc gia.

Nhằm tăng cường việc sử dụng Hệ thống thư điện tử (Email) công vụ trong việc điều hành, trao đổi công việc đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì nâng cấp, chuẩn hóa hệ thống email công vụ tỉnh Ninh Bình và xây dựng Quy chế sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ. Tính đến nay, Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Ninh Bình đã cấp: 3.464 tài khoản sử dụng. Tỷ lệ cán bộ công chức của tỉnh được cấp là 100%.

Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng các năm trong giai đoạn 2011-2015 còn thấp, tuy nhiên ứng dụng công nghệ thông tin trong giai đoạn 2016-2020 từng bước được quan tâm và đầu tư, cán bộ, công chức, viên chức đã thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc. Tỷ

lệ hồ sơ công việc được xử lý trên mạng tính đến hết năm 2019 có 85% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại các cơ quan đơn vị cấp tỉnh; 65% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại các cơ quan đơn vị cấp huyện; 25% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại các cơ quan đơn vị cấp xã.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện hệ thống phần mềm một cửa điện tử được tỉnh đẩy mạnh triển khai từ năm 2016 và đạt được nhiều kết quả: Năm 2016 có 82 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, không có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thì đến 31/3/2020, Công dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 516 dịch vụ công mức độ 3 và 299 dịch vụ công mức độ 4 được thực hiện. Năm 2017 tỉnh bắt đầu triển khai Cổng dịch vụ công (Một cửa điện tử), tiếp nhận với 13.334 hồ sơ, đã giải quyết được 12.186 hồ sơ, trong đó có 373 hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến. Năm 2019, Cổng dịch vụ công của tỉnh được triển khai và hoạt động ổn định, hiệu quả cho 20 sở, ban, ngành, 8 UBND cấp huyện và 145 xã, phường, thị trấn với tổng số 2.108 thủ tục (trong đó, mức độ 1, 2 là: 1.289 thủ tục, mức độ 3 là: 502 thủ tục, mức độ 4 là: 317 thủ tục); tiếp nhận 192.098 hồ sơ (Hồ sơ ở mức 3: 35.866 hồ sơ; Hồ sơ ở mức độ 4 là: 8.755 hồ sơ), giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ 99,8 %.

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh

UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch về triển khai xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Ninh Bình. Đến nay, có 43/43 cơ quan hành chính thuộc diện bắt buộc (gồm Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện, các cơ quan chuyên môn, các chi cục/ban tương đương của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh) và 117/143 đơn vị hành chính cấp xã hoàn thành việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, trong đó có 63 cơ quan, đơn vị áp dụng HTQLCL theo phiên bản mới TCVN ISO 9001:2015. Việc triển khai xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng đã giúp các cơ quan, đơn vị trong tỉnh xây dựng và kiểm soát các quy trình giải quyết TTHC một cách rõ ràng, thống nhất, đảm bảo công khai, minh bạch trong thực hiện các dịch vụ hành chính công, giảm phiền hà tổ chức, công dân khi thực hiện TTHC, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chưa được kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung, hệ thống thông tin của tỉnh có nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin.

- Số lượng truy cập và đăng ký sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến còn ít; việc thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh chưa kết nối với các hệ thống cung cấp dịch vụ công của các bộ, ngành.

- Vẫn còn đơn vị cấp xã chưa thực hiện hoặc ít thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống
- Số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích còn ít
- Việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế.

Nguyên nhân là do nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử tỉnh còn thiếu. Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực làm CNTT chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Số lượng các đơn vị triển khai các chương trình, dịch vụ ứng dụng CNTT còn ít, mới chỉ tập trung trong các lĩnh vực y tế và giáo dục; đa số người dân và doanh nghiệp chưa có thói quen sử dụng các dịch vụ hành chính trên môi trường mạng và gửi, nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích. Công chức làm nhiệm vụ tham mưu về công tác ISO (Thư ký ISO) thường xuyên thay đổi, thiếu kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về ISO nên việc tham mưu thực hiện đôi khi chưa tốt..

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

10 năm qua, CCHC ở tỉnh đã được triển khai toàn diện trên 06 nội dung của CCHC, tạo ra những chuyển biến đáng ghi nhận của nền hành chính. Có thể khẳng định những kết quả chủ yếu trong CCHC giai đoạn 2011-2020 như sau:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC được các cấp, các ngành ở tỉnh quan tâm triển khai thực hiện với nhiều hình thức như: Xây dựng kế hoạch CCHC hằng năm, giai đoạn, tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt, sơ kết, tổng kết, thông tin, truyền truyền trên Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, hệ thống Truyền thanh các cấp...

- Hệ thống các văn bản QPPL của tỉnh được xây dựng, ban hành và hoàn thiện cơ bản phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Bộ phận một cửa các cấp ở tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân trong giải quyết thủ tục hành chính, nền hành chính chuyển theo hướng lắng nghe ý kiến của nhân dân, phục vụ nhân dân.

- Bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, nhất là giai đoạn 2015-2020 đã được sắp xếp, giảm đầu mối quản lý, khắc phục một bước tình trạng chồng chéo về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước được nâng lên đáng kể.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tỉnh quan tâm từ khâu tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng...

- Tinh thần, thái độ, tác phong làm việc của cán bộ, công chức có bước chuyển đáng kể, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã được đẩy mạnh, nhất là giai đoạn

2015-2020 góp phần lớn vào việc chuyển đổi nền kinh tế số, bắt kịp với xu hướng của thế giới. Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 được mở rộng ra các xã, phường, thị trấn, đồng thời chuyển đổi sang phiên bản mới ISO 9001:2015 cho phù hợp với thực tiễn đã phát huy được tác dụng tích cực.

- Chỉ số CCHC của tỉnh được cải thiện qua các năm, từ năm 2015 trở về đây, chỉ số CCHC của tỉnh liên tục nằm trong Top 15 tỉnh thành dẫn đầu cả nước¹⁵, đặc biệt năm 2019 xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có một số chỉ số thành phần xếp hạng cao như: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố).

- Công tác CCHC đạt được nhiều kết quả tích cực góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá SS 2010) bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt 16,6%/năm; quy mô của nền kinh tế mở rộng, GRDP (giá SS 2010) năm 2020 ước đạt gần 41,6 nghìn tỷ đồng, gấp gần 2,2 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 15,0% năm 2011 xuống còn 11,8% vào năm 2020; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng từ 49,0% năm 2011 xuống 45,5% năm 2020; tỷ trọng dịch vụ tăng từ 36,0% năm 2011 lên 42,7% vào năm 2020. Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh được cấp giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư là 338 dự án, với tổng vốn đầu tư khoảng 70.000 tỷ đồng; thu hút được 71 dự án FDI với tổng mức đầu tư 1.350 triệu USD. Công tác phát triển doanh nghiệp đạt nhiều kết quả tích cực, tính đến hết tháng 5/2020 toàn tỉnh có 5.045 doanh nghiệp đang đăng ký hoạt động. Cơ cấu thu ngân sách chuyển dịch đúng hướng, thu từ sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng ngày càng cao; năm 2020, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 14.450 tỷ đồng, gấp gần 4,8 lần so với năm 2011. GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 theo giá hiện hành đạt 67,4 triệu đồng tăng 42,5 triệu đồng so với năm 2011.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Quy trình, thủ tục hành chính tuy đã được rà soát, điều chỉnh, nhưng vẫn còn nhiều rườm rà, phức tạp, mặt khác thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, nhất là những lĩnh vực có liên quan đến thẩm quyền của nhiều ngành, nhiều cấp.

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mới tại một số sở, ngành còn khó khăn do phải sáp nhập một số phòng ban.

- Việc chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính còn khó khăn.

- Dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4 chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

¹⁵ Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình: năm 2012: 13; năm 2013: 27; năm 2014: 40, năm 2015: 14; năm 2016: 11, năm 2017: 15; năm 2018: 9; năm 2019: 8.

- Một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, thiếu kỹ năng hành chính, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ, công vụ.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Từ những kết quả và hạn chế qua 10 năm thực hiện CCHC ở tỉnh có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây

- Thứ nhất, phải có sự chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, sự quyết liệt trong điều hành của chính quyền các cấp, sự tích cực, chủ động của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhân tố quyết định sự thành công của tiến trình CCHC ở tỉnh. Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ tỉnh ban hành các nghị quyết chuyên đề về CCHC. UBND tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể, thường xuyên đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mô hình CCHC có hiệu quả, thiết thực, áp dụng trong thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của tỉnh.

- Thứ hai, đổi mới, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, của chính quyền các cấp về CCHC, đặc biệt là nhận thức, quyết tâm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, luôn coi CCHC là khâu đột phá, mở đường cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội; phải tôn trọng những đối tượng sử dụng các dịch vụ do cơ quan hành chính nhà nước cung ứng là “khách hàng” thực sự, do đó các hoạt động cung ứng dịch vụ công cần được bảo đảm để đáp ứng nhu cầu của “khách hàng”.

- Thứ ba, trong quá trình CCHC phải có những bước đi thích hợp, với những đột phá mới trong lĩnh vực mà tổ chức và công dân đang có nhu cầu bức xúc. Đây là nhận thức mới, được hình thành qua quá trình cải cách, được chính bộ máy hành chính tiếp nhận để điều chỉnh nguyên tắc hoạt động của mình.

- Thứ tư, coi trọng sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính gọn nhẹ, hợp lý; quan tâm tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, đảm bảo chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thứ năm, đẩy mạnh phân công, phân cấp theo nguyên tắc việc gì mà cấp nào, ngành nào làm tốt thì cấp trên phân cấp hoặc uỷ quyền cho cấp đó, ngành đó làm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phải có sự phân cấp đồng bộ cả về nhiệm vụ, thẩm quyền, nguồn lực và các điều kiện cần thiết để đơn vị được phân cấp chủ động, mặt khác phải phân định thật cụ thể chức năng, nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót việc, đồng thời cũng cần xác định rõ mối quan hệ trách nhiệm giữa các ngành, các cấp ở tỉnh sau phân cấp.

- Thứ sáu, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phục vụ nhân dân nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương. Đây chính là cơ sở tạo ra phương thức hoạt động mới; yêu cầu về tính hệ thống, thông suốt, chính xác, rõ ràng minh bạch từ các hệ thống

thông tin sẽ tác động làm thay đổi phương pháp tiếp cận và phương thức tổ chức thực hiện các mục tiêu quản lý, điều hành của bộ máy hành chính.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu chính đáng của người dân.

2.2. Tiếp tục kiện toàn các cơ quan chuyên môn của tỉnh theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, đến năm 2021, giảm tối thiểu 10% biên chế hành chính so với năm 2015. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được làm rõ; tổ chức bộ máy, biên chế, cơ cấu cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị đảm bảo hợp lý, tinh gọn, hoạt động ngày càng khoa học, hiệu quả.

2.3. Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đến năm 2025, tiếp tục giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập, và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. Đến năm 2030, giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025 và giảm 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

2.4. Đến năm 2030, đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại, thực hiện có hiệu quả chế độ tiền lương mới, tạo động lực cho cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ công vụ.

2.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

2.6. Tăng cường và thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. NHIỆM VỤ

1. Về thể chế

Đổi mới, hoàn thiện, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi, trước hết là các văn bản có nội dung liên quan đến hoạt động kinh tế- xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Về thủ tục hành chính

2.1. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi theo hướng tạo thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp.

2.2. Hoàn thiện, đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh vào hoạt động. Nâng cấp hệ thống, tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã.

2.3. Tổ chức đánh giá hàng năm đối với Trung tâm phục vụ hành chính công, bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã. Tăng cường trách nhiệm của ngành Thuế trong việc cử nhân sự đến làm việc tại Bộ phận một cửa cấp huyện để tham gia vào quá trình giải quyết nhóm thủ tục hành chính về đất đai theo tinh thần tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

2.4. Tích hợp các dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh.

2.5. Tích hợp, sử dụng hiệu quả hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Cổng dịch vụ công, Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng và Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 31/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, trong đó chú trọng:

- Trên cơ sở Nghị định của Chính phủ, thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

- Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả những nhiệm vụ trong quản lý nhà nước do các cơ quan Trung ương phân cấp, phân quyền; giao quyền chủ động cho cấp dưới gắn với quyền hạn, trách nhiệm, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát và kiểm soát quyền lực.

3.2. Thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 30/3/2018 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó tập trung phê duyệt cơ chế tự chủ về tài chính, giảm phụ thuộc vào ngân sách của nhà nước.

3.3. Thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh xã hội hoá, nhất là trong các ngành, lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao...; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh, bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập.

4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Sắp xếp, tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

4.2. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ

- Hoàn thiện các quy định, cơ chế chính sách về cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc tất cả các khâu tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức thực hiện tốt các chương trình về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và học tập ngoại ngữ. Gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh và đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị để rèn luyện qua thực tiễn ở các lĩnh vực, địa bàn khác nhau.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi để phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

- Đánh giá, mở rộng việc thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng.

4.3. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật, bảo đảm công bằng, khách quan, chính xác, lấy hiệu quả công tác làm thước đo trong đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tinh giản biên chế một cách thực chất dựa trên đánh giá cán bộ hàng năm.

5. Về tài chính công

5.1. Đẩy mạnh việc phê duyệt phương án tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp theo Đề án tổng thể kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập khối nhà nước trên địa

bàn tỉnh ban hành theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh; tăng cường phân cấp và thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chú trọng đến trách nhiệm giải trình về việc thực hiện cơ chế tự chủ và cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện tự chủ đúng nhiệm vụ được giao.

5.2. Thực hiện cổ phần hóa đối với Công ty TNHH MTV Bình Minh, thoái vốn tại Công ty Cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Thành phố Ninh Bình, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp, các doanh nghiệp Nhà nước theo lộ trình đã được phê duyệt.

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Về ứng dụng công nghệ thông tin

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện các hệ thống nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới xây dựng Chính quyền số, nghiên cứu, phát triển các giải pháp đáp ứng kết nối các hệ thống thông tin trong tỉnh và kết nối, liên thông với trung ương.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu toàn tỉnh, liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu công phục vụ quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Hình thành Trung tâm dữ liệu lớn của tỉnh kết nối đồng bộ và thống nhất để chia sẻ, dùng chung và tạo điều kiện để mọi công dân, doanh nghiệp có thông tin cần thiết về hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; tạo thuận lợi cho công dân, doanh nghiệp khai thác sử dụng dữ liệu, tương tác với chính quyền các cấp trên cơ sở định danh số.

- Nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; đẩy mạnh tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia; phấn đấu 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử; ít nhất 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin; 100% các hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc xử lý hồ sơ công việc tại cấp huyện trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật); ít nhất 80% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan, đơn vị được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Tăng cường áp dụng phương pháp họp trực tuyến; triển khai các hệ thống phòng họp thông minh cho các cơ quan, đơn vị, giảm thiểu tối đa sử dụng tài liệu giấy trong xử lý công việc, khai thác và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng, triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC); Trung tâm kỹ thuật giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh, đảm bảo kết

nội, tương tác với các Trung tâm an toàn, an ninh quốc gia. Nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng nội tỉnh với tốc độ cao, công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật thông tin; 100% các hệ thống thông tin của tỉnh từ cấp độ 3 trở lên được áp dụng phương án bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

6.2. Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO

- Chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia từ ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015.

- Nghiên cứu, Áp dụng ISO điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Phần thứ ba NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu điều chỉnh Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT cho phù hợp với tình hình thực tế (thành phần, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết...).

2. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ xem xét sửa đổi Thông tư Liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và 17 cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để phù hợp với tình hình của địa phương.

3. Đề nghị các bộ, ngành đồng bộ phần mềm giải quyết TTHC của các bộ với các sở ngành của địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020, đề xuất nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo (*gửi kèm theo Báo cáo các phụ lục 1,2,3,4,5,6,7,8*).

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Lãnh đạo HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, VP5, VP6, VP7, VP11.

ĐN_VP11_06BC_2020

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Quang Thìn